

.....,只好.....

Đúc kết công thức

1) 她太忙了，只好请母亲帮着照看孩子。

Tā tài máng le, zhǐhǎo qǐng mǔqīn bāngzhe zhàokàn hái zi.

2) 没赶上末班车，只好打车回家了。

Méi gǎn shàng mò bān chē , zhǐhǎo dǎ chē huí jiā le.